TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **47**/2019/DS-ST
Ngày: 19/12/2019
V/v: *"T/C hợp đồng mua bán"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đính

Ông Nguyễn Đức Hoài

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành , tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Toản - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/TLST – DS ngày 16/9/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2019/QĐXXST-DS ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Chó C, sinh năm 1969; Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp 6, xã Nha B, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Hữu N, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp 7, xã Minh T, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Chó C trình bày*:**

Vào tháng 10/2018, ông Huỳnh Chó C có bán cho ông Lê Hữu N 01 con bò với giá 12.500.000đ, khi mua bán hai bên không có làm giấy tờ. Khoảng 1 tuần sau ông N có trả cho ông C số tiền 7.000.000đ và còn nợ lại 5.500.000đ. Việc trả tiền và nợ tiền mua bán bò thì cũng không có làm giấy tờ. Ông C nhiều lần yêu cầu ông N trả

tiền còn nợ lại nhưng ông N không trả. Ông C khởi kiện yêu cầu ông N trả lại số tiền nợ mua bò là 5.500.000đ.

***Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Hữu N_trình bày*:**

Vào tháng 6/2018 ông N có cho ông C mượn số tiền 9.000.000đ, sau đó tháng 10/2018 ông C mượn tiền của ông N thêm 600.000đ. Tổng số tiền ông C nợ ông N là 9.600.000đ. Trong thời gian tháng 10/2018 ông C đem bò vô không có ông N ở nhà và giao con bò cho vợ của ông N là bà Lê Thị D và báo với ông N là con bò với giá 12.500.000đ. Sau đó, ông Nvề thấy con bò xấu không được giá đó nên kêu ông C dẫn bò về nhưng ông C không dẫn bò về mà giử lại. Khoảng mấy ngày sau dân mua bò định giá mua chỉ có 8.800.000đ. Sự việc cho mượn tiền và việc gửi bò cũng không làm giấy tờ. Trước ý kiến của ông C thì ông N không đồng ý trả 5.500.000đ. Lý do là yêu cầu ông C trả cho ông N số tiền đã mượn 9.600.000đ và trả tiền công chăm sóc mỗi tháng 400.000đ/tháng thành tiền 13 tháng là 5.200.000đ. Ông C trả đủ số tiền nêu trên thì dắt con bò về.

Tòa án có hướng dẫn ông N phải làm đơn yêu cầu phản tố về số tiền nợ nhưng ông N không làm đơn phản tố.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Huỳnh Chó C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn ông Lê Hữu N vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sư thẩm Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS.

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp kiện đòi tài sản" thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành .

+ Xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa án xác định nguyên đơn, bị đơn đúng quy định tại các Điều 68, 71, 72 của BLTTDS 2015.

+ Về thời hiệu khởi kiện, hình thức và nội dung đơn khởi kiện đã kiện đúng theo quy định tại Điều 184, Điều 189 BLTTDS.

+ Về thủ tục nhận đơn khởi kiện: Khi nhận được đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo Tòa án lập biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 191 BLTTDS.

+ Về thụ lý vụ án: Đúng quy định tại Điều 195, 196, 197 BLTTDS năm 2015.

+ Thu thập chứng cứ: Tòa án lấy lời khai của các đương sự đảm bảo đúng quy định tại Điều 97, 98 BLTTDS năm 2015.

+ Thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Việc thông báo phiên họp và tiến hành phiên họp đảm bảo quy định tại Điều 208, 209, 210 và Điều 211 năm 2015.

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thụ lý ngày 13/2/2019 đến ngày 13/8/2019 ra Quyết định xét xử là vi phạm quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS năm 2015.

+ Thủ tục tống đạt và giao các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 175, 177, 196, 208 và 220 BLTTDS năm 2015.

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Nội dung và hình thức đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 220 BLTTDS.

+ Về chuyển hồ sơ vụ án: Đúng quy định.

+ Về tạm ứng án phí: Đúng theo quy định tại pháp lệnh án phí

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:

Tại phiên tòa sơ thẩm, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa dân sự sơ thẩm.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: Đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

+ Đối với bị đơn: Không đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

* Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát:

Yêu cầu của ông Huỳnh Chó C buộc ông Lê Hữu N trả số tiền 5.500.000đ còn nợ lại trong việc mua bán bò là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1].Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Chó C yêu cầu bị đơn ông Lê Hữu N phải có trách nhiệm trả tiền bán bò cho ông Huỳnh Chó C. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng mua bán* " theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do bị đơn ông Lê Hữu N có nơi cư trú tại ấp 7, xã Minh T, huyện Chơn T tỉnh Bình Phước nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[1.2]. Tư cách người tham gia tố tụng: Ông Huỳnh Chó C làm đơn yêu cầu khởi kiện ông Lê Hữu Nnên căn cứ Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông C là nguyên đơn. Ông Lê Hữu N là người bị ông C khởi kiện căn cứ Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông N là bị đơn. Bà Lê Thị D là vợ ông N nhưng trong việc mua bán bò giữa ông C với ông N thì không có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ. Mặc khác ông C chỉ yêu cầu ông N thực hiện việc trả tiền không có yêu cầu bà D nên bà D chỉ tham gia với tư cách người làm chứng theo Điều 77 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3].Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa bị đơn ông Lê Hữu N vắng mặt. Tuy nhiên, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Nvẫn vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về yêu cầu khởi kiện: Ông Huỳnh Chó C yêu cầu ông Lê Hữu N trả số tiền 5.500.000 đồng, về nguồn gốc số tiền này ông C cho rằng ông N còn nợ từ việc mua bò, cụ thể: vào tháng 10/2018 ông C có bán cho ông N 01 con bò với giá 12.500.000 đồng, hai bên không lập hợp đồng mua bán, chỉ nói bằng miệng, khi mua bò ông N đã thanh toán cho ông C số tiền 7.000.000 đồng và còn nợ lại 5.500.000 đồng nhưng quá trình giải quyết vụ án ông N không đồng ý trả số tiền như ông C yêu cầu, ông N cho rằng giữa ông N và ông C không có quan hệ mua bán bò như ông C trình bày, vào ngày 09 tháng 6 năm 2018 ông N có cho ông C vay số tiền 9000.000 đồng, đến ngày 09 tháng 10 năm 2018 ông C tiếp tục vay của ông N số tiền 9.600.000 đồng, việc vay tiền giữa ông C và ông N không lập giấy tờ gì, sau đó ông C đem vào cho ông N một con bò để trừ nợ và cho ông N biết giá trị của con bò là 12.500.000 đồng, khi ông C dẫn bò vào nhà ông N thì ông N không có ở nhà nên ông C đã giao bò cho vợ ông N là bà Lê Thị D, khi ông N về nhà thấy bò xấu, không có được giá trị như ông C yêu cầu nên ông N báo với ông C vào dẫn con bò về nhưng ông C không dẫn bò về mà gửi lại cho ông N chăm sóc. Nay ông C muốn dẫn bò về thì ông C phải thanh toán cho ông N số tiền 9.600.000 đồng và thanh toán công chăm sóc bò trong 13 tháng là 5.200.000 đồng. Xét thấy, qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định giữa ông C và ông N đã nhiều lần có quan hệ mua bán bò, cụ thể: Tại Biên bản hòa giải ngày 20/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thắng, huyện Chơn Thành, ông N (tên gọi khác Nhí) trình bày *"Khi giao bò đợt sau hết 41.000.000 đồng tôi đã đưa cho ông C 50.000.000 đồng "* lời trình bày này của ông N phù hợp với lời khai của ông C tại phiên tòa "*Tôi là người làm nghề lái bò (mua bán bò) và đã nhiều lần bán bò cho ông N",* đối với giao dịch mua bán con bò vào tháng 10 năm 2018, mặc dù ông N không thừa nhận giữa ông N và ông C có giao dịch mua bán bò, ông N cho rằng ông C vay tiền của ông N không có trả nên đưa bò vào cho ông N để trừ nợ nhưng ông N không có chứng cứ gì để chứng minh việc ông N cho ông C mượn tiền, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích và thông báo cho ông N thực hiện yêu cầu phản tố yêu cầu ông C trả số tiền vay nhưng ông N không có yêu cầu. Tại biên bản lấy lời khai của vợ ông N là bà Lê Thị Duyên vào ngày 12/11/2019 thì bà Duyên xác nhận "*Giữa ông N và ông C có quan hệ mua bán bò cuối năm 2018, ông C có giao 01 con bò cho ông N, do ông N không ở nhà nên bà Duyên nhận bò, còn việc ông N và ông C thỏa thuận như thế nào thì bà Duyên không biết"* lời khai của bà Duyên phù hợp với nội dung trình bày của ông N tại biên bản hòa giải ngày 20/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thắng, huyện Chơn Thành, ông N (tên gọi khác Nhí) trình bày *"Lúc ông C giao bò tôi không có ở nhà và ông C đã gọi vợ tôi ra nhận bò, khi về ngày hôm sau tôi thấy bò giao xấu nên tôi đã gọi điện cho ông C nói không đồng ý mua bò với giá đó*". Ngoài ra, ông N không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh là ông C vay tiền của ông N và chứng cứ chứng minh việc ông N mang con bò đến nhà ông N để trừ nợ số tiền ông

N cho ông C vay, việc ông N gọi điện thoại cho ông C nói không đồng ý mua với giá đó (giá 12.500.000 đồng) mà chỉ đồng ý mua bò với giá 8.800.000 đồng cho thấy giữa ông C và ông N đã thỏa thuận mua bán con bò với giá 12.500.000 đồng. Như vậy, có thể khẳng định giữa ông C và ông N thực hiện giao dịch mua bán bò là có thật, ông N đã thanh toán cho ông C số tiền 7.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 5.500.000 đồng, việc mua bán hai bên thực hiện bằng miệng, không viết giấy tờ gì về việc mua bán bò và giấy tờ về số tiền mua bán bò đã thanh toán nhưng những lời trình bày của nguyên đơn ông C là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên yêu cầu của ông C yêu cầu ông N thanh toán số tiền 5.500.000 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc vay mượn tiền giữa ông N và ông C, do ông N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2]. Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát: Nhận định của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được cấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Chó C được chấp nhận nên ông C không phải chịu án phí. Bị đơn ông Lê Hữu N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 68, 71, 72; 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Chó Con.

Buộc ông Lê Hữu N có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Chó C số tiền 5.500.000 đồng *(Năm triệu năm trăm ngàn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lê Hữu N phải chịu là 300.000 đồng. Hoàn trả cho ông Huỳnh Chó Csố tiền tạm ứng án phí: 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số: 0003789, quyển số: 0076, ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

Đã ký

Võ Văn Vân